

Bản án số: 132/2020/HS-ST
Ngày 15/10/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Đoan

Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Xanh – Cán bộ hưu trí
2. Ông Đặng Đình Thúy – Cán bộ hưu trí
3. Bà Trần Thị Kim Thủy – Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thành – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2020/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2020/HSST ngày 21 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Văn C; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 20/4/1967 tại thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nơi ĐKKHKT: phường B, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; Nghề nghiệp: công nhân nghỉ hưu; Trình độ văn hóa: 10/10; Con ông Lê Thanh X và bà Trần Thị Đ; Vợ: Vũ Thị T (đã ly hôn); Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: không; Bắt tạm giam ngày 16/8/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; Có mặt;

- *Người bào chữa cho bị cáo:* luật sư Đặng Hồng P – Công ty Luật TNHH MTV AUC Quảng Ninh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh; Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Chị Trần Thị T; Sinh năm 1975; Địa chỉ: thị trấn M, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Có mặt;
2. Anh Nguyễn Khắc T; Sinh năm 1975; Địa chỉ: phường T, thành phố U,

tỉnh Quảng Ninh; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nguyễn Khắc T: Luật sư Lê Công S, Công ty Luật TNHH Bông Sen Vàng thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh; Có mặt.

3. Chị Nguyễn Thị T; Sinh năm 1977; Địa chỉ: phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Đại diện ủy quyền: Anh Nguyễn Khắc T; Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lê Quang V; Sinh năm 1972; Địa chỉ: thị trấn M, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt;

2. Chị Lê Thị Thu T; Sinh năm 1994; Địa chỉ: thị trấn M, thị xã K, tỉnh Hải Dương; Vắng mặt;

Đại diện theo ủy quyền của anh Lê Quang V, chị Lê Thị Thu T là chị Trần Thị T; Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Vũ Thị T; Sinh năm 1957, có mặt.

2. Bà Vũ Thị T; Sinh năm 1964, có mặt.

3. Anh Lê Hữu T; Sinh năm 1982; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn C là công nhân nghỉ hưu từ năm 2016. Mặc dù Lê Văn C không có chức năng, thẩm quyền tuyển dụng lao động nhưng Lê Văn C tự nhận với nhiều người là có khả năng xin việc để nhận tiền rồi chiếm đoạt tiền của họ. Với thủ đoạn đó, trong khoảng thời gian từ năm 2016 – 2017, Lê Văn C lừa đảo, chiếm đoạt tiền của chị Trần Thị T, anh Nguyễn Khắc T và chị Nguyễn Thị T. Cụ thể:

1. Vụ thứ nhất:

Khoảng giữa năm 2016, chị Vũ Thị T (sinh năm 1957) gặp Lê Văn C tại khu vực bể bơi H, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Lê Văn C làm quen với chị Vũ Thị T và tự giới thiệu có quen nhiều người trên Trung ương có thể xin việc nhiều lĩnh vực, ai có nhu cầu xin việc cứ bảo Lê Văn C. Sau đó, chị Vũ Thị T nói chuyện này với chị Trần Thị T. Chị Trần Thị T có cháu họ là Lê Thị Thu T (con của anh Lê Quang V là em chồng chị Trần Thị T) vừa tốt nghiệp trường Y có nhu cầu xin việc. Chị Trần Thị T nhờ chị Vũ Thị T hỏi Lê Văn C thì Lê Văn C đồng ý và nhận xin cho chị Lê Thị Thu T vào làm việc theo biên chế tại Bệnh viện Việt Nam – Thụy Điển (thành phố Uông Bí) với chi phí 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Thông qua chị Vũ Thị T, chị Trần Thị T chuyển hồ sơ và đặt cọc trước cho Lê Văn C 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Sau đó, Lê Văn C nhiều lần yêu cầu chị Trần Thị T chuyển tiếp số tiền

280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng) cho Lê Văn C. Trong các ngày 08/7/2016, 05/4/2017 và 03/5/2017, chị Vũ Thị T và chị Trần Thị T đã chuyển tổng số tiền 280.000.000đ (Hai trăm tám mươi triệu đồng) vào tài khoản 8011205039734 của Lê Văn C mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Agribank (Uông Bí).

Sau khi chuyển tiền cho Lê Văn C, chị Vũ Thị T và chị Trần Thị T đã dẫn chị Lê Thị Thu T đến công Bệnh viện Việt Nam – Thụy Điển để gặp Lê Văn C. Tại đây, Lê Văn C nói chị Vũ Thị T và chị Trần Thị T chờ ở ngoài, còn Lê Văn C dẫn chị Lê Thị Thu T vào trong Bệnh viện để gặp Giám đốc bệnh viện nói việc thi công chức. Nhưng sau khi dẫn chị Lê Thị Thu T vào trong Bệnh viện, Lê Văn C bảo chị Lê Thị Thu T tự mang hồ sơ lên tầng 8 vào Trung tâm đào tạo của Bệnh viện để nộp hồ sơ học việc. Sau khi tự nộp hồ sơ, chị Lê Thị Thu T được nhận vào làm hợp đồng thời vụ tại Bệnh viện. Trong hơn một năm chị Lê Thị Thu T làm việc tại Bệnh viện Việt Nam – Thụy Điển theo hình thức hợp đồng thời vụ nhưng không được thi tuyển biên chế chính thức, chị Trần Thị T nhiều lần nhờ chị Vũ Thị T liên lạc với Lê Văn C để hỏi lý do thì Lê Văn C khất lần và nói phải chờ vì “chưa có đợt”. Chị Lê Thị Thu T làm hợp đồng đến cuối năm 2018 thì nghỉ việc. Chị Trần Thị T nhiều lần thông qua chị Vũ Thị T đòi tiền Lê Văn C nhưng Lê Văn C không trả. Đến tháng 8/2019, qua thông tin báo chí, anh Lê Quang V biết Lê Văn C bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh khởi tố, bắt tạm giam về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên đã làm đơn tố cáo Lê Văn C.

Tại cơ quan điều tra, Lê Văn C khai có nhận 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) như trên nhưng đây là tiền vay, không phải tiền xin việc. Chị Trần Thị T yêu cầu Lê Văn C phải trả toàn bộ số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) mà Lê Văn C đã chiếm đoạt.

2. Vụ thứ hai:

Cũng trong khoảng thời gian nhận tiền xin việc cho chị Lê Thị Thu T, Lê Văn C gặp anh Nguyễn Khắc T là người đã quen từ trước và nói với anh Nguyễn Khắc T là quen cháu ruột của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc có thể xin được cho anh Nguyễn Khắc T vào làm lãnh đạo ngành than. Do đang có nhu cầu chuyển đổi công tác và tin tưởng Lê Văn C nên anh Nguyễn Khắc T nhờ Lê Văn C lo việc. Đồng thời anh Nguyễn Khắc T nhờ Lê Văn C xin cho em gái là chị Nguyễn Thị T vào làm công ty Kho vận Đá Bạc (thành phố Uông Bí). Ngày 26/01/2017 tại nhà chị Nguyễn Thị T, Lê Văn C nhận số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ đồng) để xin cho anh Nguyễn Khắc T vào làm lãnh đạo công ty than Uông Bí và 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) để xin cho chị Nguyễn Thị T vào làm việc tại công ty Kho vận Đá Bạc. Sau khi nhận tiền, anh Nguyễn Khắc

T trực tiếp cùng Lê Văn C thỏa thuận nội dung viết Giấy biên nhận tiền để anh Nguyễn Khắc T, chị Nguyễn Thị T và Lê Văn C cùng ký nhận.

Sau khi nhận tiền, từ năm 2017 đến đầu năm 2019, anh Nguyễn Khắc T không thấy Lê Văn C giúp được việc chuyển đổi công tác như đã hứa nên anh đã nhiều lần gọi điện, nhắn tin, gặp Lê Văn C để giục thì Lê Văn C nói đang liên hệ, bảo anh Nguyễn Khắc T tiếp tục chờ và cung cấp cho anh Nguyễn Khắc T số điện thoại: 0961.542.638 nói là của một người tên V là cháu của Thủ tướng (hiện không xác định được lai lịch, địa chỉ của V) để anh Nguyễn Khắc T liên lạc. Khi anh Nguyễn Khắc T gọi điện thoại thì người này không nghe máy, chỉ nhắn tin bảo anh Nguyễn Khắc T chờ thêm một thời gian nữa. Sau đó qua tìm hiểu, anh Nguyễn Khắc T biết được chủ số điện thoại đó không phải là người tên V nên anh Nguyễn Khắc T làm đơn tố giác Lê Văn C về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Quá trình điều tra, anh Nguyễn Khắc T giao nộp 01 “Giấy biên nhận tiền xin việc” đề ngày 26/01/2017 và nhiều đoạn ghi âm, clip ghi hình và tin nhắn liên quan đến việc Lê Văn C nhận tiền, hứa hẹn xin cho anh Nguyễn Khắc T vào làm lãnh đạo công ty Than Ưông Bí, do anh Nguyễn Khắc T trực tiếp ghi lại khi liên hệ, trao đổi với Lê Văn C.

Khi thấy Lê Văn C không chuyển đổi công việc như đã hứa, chị Nguyễn Thị T cũng tìm Lê Văn C để đòi tiền. Ngày 25/4/2019, tại nhà riêng của Lê Văn C, chị Nguyễn Thị T viết 01 “Biên bản giao nhận tiền” thể hiện việc do Lê Văn C không xin được việc cho chị Nguyễn Thị T nên tự nguyện trả lại cho chị Nguyễn Thị T 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), Lê Văn C đồng ý và ký nhận. Lê Văn C đã trả lại cho chị Nguyễn Thị T 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) sau đó không trả thêm nữa. Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu xử lý Lê Văn C theo quy định của pháp luật và yêu cầu Lê Văn C phải trả số tiền còn lại là 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu đồng).

Tại Kết luận giám định số 82/GĐTL ngày 22/7/2019 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Chữ viết, chữ ký của anh Nguyễn Khắc T, chị Nguyễn Thị T và Lê Văn C trong Giấy biên nhận tiền xin việc đề ngày 26/01/2017 do anh Nguyễn Khắc T cung cấp, so với các chữ viết, chữ của anh Nguyễn Khắc T, chị Nguyễn Thị T và Lê Văn C trong các mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

Tại Kết luận giám định số: 1063/C09-P5 và 1063A/C09-P5 cùng ngày 08/4/2020 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Các chữ “TIỀN XIN VIỆC”, “để xin việc”, “Ông Nguyễn Khắc T – tổ 1, khu 7, Thanh Sơn – Ưông Bí”, “để xin việc”, “Ưông Bí”, “Số CMND số: 100786311 Công an Q.Ninh cấp 23/3/2000”, “để xin việc vào Công ty Kho Vận Đá Bạc” tại các dòng chữ viết thứ 3, 7, 11, 12, 14, 15, 20, 21 (từ trên xuống) trên trang 1; “Ông Nguyễn Khắc T giao cho ông Lê Văn C số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) để xin việc vào

làm lãnh đạo ngành than” và “Giấy biên nhận này được lập thành 02 bản chính có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản chính” tại các dòng chữ viết thứ 1, 2, 3, 6, 7, 8 (từ trên xuống) trên trang 2 mẫu cần giám định (Giấy biên nhận tiền xin việc đề ngày 26/1/2017) là các chữ được viết thêm. Viện Khoa học hình sự không giám định được thời điểm viết, ký trên tài liệu.

Tại Kết luận giám định số: 493 ngày 25/5/2020 và số 599 ngày 05/6/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Chữ viết, chữ ký của chị Nguyễn Thị T, Lê Văn C và chị Vũ Thị T trong Biên bản giao nhận tiền ghi ngày 25/4/2019 do chị Nguyễn Thị T cung cấp, so với các chữ viết, chữ ký trong của chị Nguyễn Thị T, chị Vũ Thị T và Lê Văn C trong các mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

Tại cơ quan điều tra, Lê Văn C khai đã nhận tiền của chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Khắc T để xin việc nhưng không xin việc mà sử dụng vào mục đích cá nhân nhưng chỉ nhận 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) của chị Nguyễn Thị T để xin cho chị vào công ty Kho vận Đá Bạc và nhận 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) của anh Nguyễn Khắc T để xin cho anh vào làm lãnh đạo công ty Than Ưông Bí. Lê Văn C khai không nhận tiền tại nhà chị Nguyễn Thị T mà do anh Nguyễn Khắc T đưa trực tiếp cho Lê Văn C 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) xin việc cho chị Nguyễn Thị T. Còn số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) của anh Nguyễn Khắc T, Lê Văn C bảo anh Nguyễn Khắc T chuyển vào tài khoản của người khác để xin việc. Đối với số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng), Lê Văn C không thừa nhận đã chiếm đoạt của anh Nguyễn Khắc T. Lê Văn C nhiều lần thay đổi lời khai và đưa ra các lý do không nhận tiền, không ký giấy nhận tiền xin việc và cho rằng các nội dung ghi âm, tin nhắn do anh Nguyễn Khắc T cung cấp là do Lê Văn C nói để anh Nguyễn Khắc T yên tâm.

Anh Nguyễn Khắc T khẳng định “Giấy biên nhận tiền xin việc” ngày 26/01/2017 là do anh trực tiếp viết, khi viết có sửa đổi, bổ sung và có thỏa thuận, thống nhất với Lê Văn C sau đó mới thống nhất viết vào, anh Nguyễn Khắc T yêu cầu Lê Văn C phải trả lại số tiền 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) đã chiếm đoạt.

Đối với người tên V mà Lê Văn C đã cung cấp số điện thoại cho anh Nguyễn Khắc T để liên hệ hỏi về việc xin việc, quá trình điều tra không xác minh được lai lịch, địa chỉ, do đó không đề cập xử lý.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra, khám xét tại nhà Lê Văn C thu được nhiều bộ hồ sơ xin việc, các giấy biên nhận tiền. Qua xác minh, những người này có nhờ Lê Văn C xin việc nhưng không xin được và đã được Lê Văn C trả lại tiền, những người này không đề nghị xử lý đối với Lê Văn C nên không đề cập.

Tại bản cáo trạng số 90/CT-VKSQN-P2 ngày 28/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố bị cáo Lê Văn C về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt Lê Văn C từ 14 năm đến 15 năm tù, buộc Lê Văn C phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Văn C có quan điểm: Bị cáo Lê Văn C đã nhận tội nên không có ý kiến về tội danh. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử hoàn hồ sơ để điều tra làm rõ Giấy biên nhận tiền xin việc có viết thêm, Kết luận giám định chưa hết yêu cầu. Nếu không hoàn hồ sơ thì tạm dừng phiên tòa để triệu tập giám định viên.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Khắc T có quan điểm việc truy tố, xét xử bị cáo Lê Văn C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả lại tiền chiếm đoạt và các chi phí cho việc đi đòi lại tiền thời gian qua.

Bị hại chị Trần Thị T, anh Nguyễn Khắc T, chị Nguyễn Thị T có quan điểm như luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị hại Nguyễn Khắc T. Bị hại Trần Thị T còn đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phân tranh luận đại diện Viện kiểm sát tỉnh Quảng Ninh có quan điểm không cần thiết phải hoàn hồ sơ và triệu tập giám định viên vì kết luận giám định đã rõ, những người tham gia tố tụng trong suốt thời gian điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có khiếu nại và bị cáo đã nhận tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa, Lê Văn C khai báo cơ bản phù hợp với các lời khai có trong hồ sơ và có nội dung như sau: Lê Văn C thừa nhận bản thân không có chức năng, nhiệm vụ tuyển chọn người làm việc và cũng không có khả năng xin việc cho anh Nguyễn Khắc T, chị Nguyễn Thị T và chị Lê Thị Thu T nhưng vẫn hứa xin việc cho họ và có nhận tiền của họ, việc làm đó là vi phạm pháp luật (Bút lục số 496). Về số tiền nhận của anh Nguyễn Khắc T, chị Nguyễn Thị T và chị Vũ Thị T thì Lê Văn C chỉ thừa nhận có nhận

của chị Nguyễn Thị T 200.000.000 đ (hai trăm triệu đồng) để xin cho chị Nguyễn Thị T vào làm ở công ty kho vận Đá Bạc, nhận của anh Nguyễn Khắc T 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) để xin cho anh Nguyễn Khắc T vào làm lãnh đạo ngành than. Lê Văn C không thừa nhận có nhận của anh Nguyễn Khắc T một tỷ đồng nhưng có thừa nhận các tài liệu do anh Nguyễn Khắc T cung cấp như “Giấy Biên nhận tiền xin việc” lập ngày 26/01/2017 (Bút lục số 181) cũng như các tin nhắn, nội dung trong đĩa ghi âm chứng minh Lê Văn C nhận của anh Nguyễn Khắc T một tỷ đồng để xin việc là đúng của Lê Văn C viết, Lê Văn C nói. Bị cáo Lê Văn C cũng thừa nhận có nói với anh Nguyễn Khắc T về việc có quen với cháu Thủ tướng Chính phủ và đang cậy nhờ xin cho anh Nguyễn Khắc T vào làm lãnh đạo ngành than. Bị cáo Lê Văn C lí giải làm như vậy để anh Nguyễn Khắc T tin và bớt thúc giục (Bút lục số 550). Đối với việc nhận của chị Vũ Thị T 300.000.000 đ (ba trăm triệu đồng) để xin việc cho chị Lê Thị Thu T vào làm ở Bệnh viện Thụy Điển Ưông Bí thì Lê Văn C thừa nhận có nhận nhưng khai rằng là tiền vay nhưng chị Vũ Thị T, chị Trần Thị T khẳng định không có chuyện vay mượn mà là tiền Lê Văn C yêu cầu đưa để xin việc cho chị Lê Thị Thu T (Bút lục số 562). Về số tiền nhận của anh Nguyễn Khắc T, chị Nguyễn Thị T, chị Vũ Thị T, thì bị cáo Lê Văn C khai nhận không chuyển cho bất kì ai để dùng vào việc xin việc mà đã chi tiêu cá nhân hết (Bút lục số 495). Ngoài ra, bị cáo Lê Văn C cũng khai báo không có ý kiến khác với Bản kết luận điều tra số 81-QĐ/VPCQCSĐT ngày 08.7.2020 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh (Bút lục số 526-528) về việc cơ quan điều tra kết luận bị cáo Lê Văn C không có chức năng, khả năng để tuyển dụng, chuyển công tác trong cơ quan đơn vị nhưng vẫn nhận tiền của chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Khắc T, anh Vinh (người nhà chị Lê Thị Thu T) để chiếm đoạt 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng) bằng hình thức hứa xin việc. Tại phiên tòa hôm nay, một lần nữa bị cáo Lê Văn C khẳng định bị truy tố, xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng.

Như vậy, mặc dù bị cáo còn có ý kiến khác nhau về số tiền và nơi nhận tiền, nơi viết và ký Giấy nhận tiền nhưng kết hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ như lời khai của các bị hại, lời khai của nhân chứng, kết quả giám định ... đã có căn cứ kết luận bản Cáo trạng số 90/CT -VKSQN -P2 ngày 28.8.2020 của Viện kiểm sát tỉnh Quảng Ninh đã truy tố Lê Văn C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Số tiền chiếm đoạt của anh Nguyễn Khắc T, chị Nguyễn Thị T và chị Trần Thị T là 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng).

Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn C là rất nguy hiểm cho xã hội, bởi không chỉ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Khắc T, chị Nguyễn Thị T, chị Trần Thị T mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh xã hội, gây bất bình

trong nhân dân. Do đó phải xử phạt nghiêm minh Lê Văn C là điều cần thiết để đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo Lê Văn C có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự (phạm tội hai lần trở lên) .

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã khai báo một phần hành vi phạm tội, đã tự nguyện khắc phục một phần thiệt hại cho chị Nguyễn Thị T, được chị Trần Thị T xin giảm hình phạt. Ngoài ra bị cáo còn có bố đẻ (ông Lê Thanh X) là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến nên được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lê Văn C phải trả lại cho anh Nguyễn Khắc T 1.000.000.000 đ (một tỷ đồng); trả lại cho chị Trần Thị T 300.000.000 đ (ba trăm triệu đồng). Đối với chị Nguyễn Thị T thì Lê Văn C đã trả 70.000.000 đ (bảy mươi triệu đồng) số tiền còn phải trả cho chị Nguyễn Thị T là 130.000.000 đ (một trăm ba mươi triệu đồng).

[5]. Về án phí: bị cáo Lê Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: bị cáo Lê Văn C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 48 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Lê Văn C 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2019.

Áp dụng: Buộc Lê Văn C phải trả cho anh Nguyễn Khắc T 1.000.000.000đ (một tỷ đồng); Trả cho chị Nguyễn Thị T 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) và trả cho chị Trần Thị T 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí.

Buộc bị cáo Lê Văn C phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 54.900.000đ (năm tư triệu chín trăm ngàn đồng) án phí dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Lê Văn C chưa thanh toán đủ số tiền bồi thường

thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND tỉnh QN;
- Công an tỉnh QN;
- Trại tạm giam Công an tỉnh QN;
- THA, Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Đoan

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán

**Thẩm phán
Chủ tọa phiên tòa**

Đỗ Thị Xanh Đặng Đình Thúy Trần Thị Kim Thủy

Nguyễn Hồng Ánh

Vũ Văn Đoan